

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-PT
Ngày: 29-5-2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lại Xuân H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 27C, ngách 18, ngõ 236 Kh, phường H, quận Th, Thành phố Hà Nội;

- *Bị đơn:* Ông Lại Văn Th, sinh năm 1956; Địa chỉ: Xóm 11, thôn V, xã Ngh, huyện N, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Xóm 11, thôn V, xã Ngh, huyện N, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 06-11-2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th, bà H: Luật sư Lê Ngọc V – Văn phòng Luật sư V & M, Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lại Viết V1, sinh năm 1942; Địa chỉ: Xóm 12, thôn V, xã Nghĩa

An, huyện N, tỉnh Nam Định;

2. Bà Lại Thị H2, sinh năm 1955; Địa chỉ: Xóm 11, thôn V, xã Ngh, huyện N, tỉnh Nam Định;

3. Ông Lại Văn H3, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ 17, phường Đ, thành phố T, tỉnh T;

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Xóm 11, thôn V, xã Ngh, huyện N, tỉnh Nam Định;

5. Bà Đinh Thị Ng, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 27C, ngách 18, ngõ 236 Kh, phường H, quận Th, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Ông Lại Xuân H, sinh năm: 1957; Địa chỉ: Số 27C, ngách 18, ngõ 236 Kh, phường H, quận Th, Thành phố Hà Nội (văn bản uỷ quyền ngày 08-6-2022).

- *Người kháng cáo: Ông Lại Văn Th là bị đơn, bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.*

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt ông H, bà H, ông Văn, ông V, bà H2, ông H3. Vắng mặt ông Th, bà Ng có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05-7-2021 và toàn bộ quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lại Xuân H trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Lại Văn D, sinh năm 1920 (đã chết năm 2005) và cụ Nguyễn Thị C, sinh năm 1919 (Chết năm 2002). Bố mẹ ông sinh được 06 người con gồm: ông Lại Viết V1, bà Lại Thị H2, ông Lại Văn Th, ông Lại Xuân H, ông Lại Văn H3, ông Lại Văn M, sinh năm 1950 đi bộ đội và hy sinh năm 1968, ông M khi chết chưa có gia đình. Bố mẹ ông được nhà nước giao 1140m² gồm 400 đất ở, đất vườn 180m², ruộng 2 lúa: 560 m² tại thửa 1910 tờ bản đồ số 04 tại thôn V, xã Ngh, huyện N, tỉnh Nam Định. Khi bố mẹ ông còn sống có làm nhà mái ngói 3 gian trên mảnh đất này để ở. Trong quá trình chung sống, bố mẹ ông cho ông Th là 360m² đất được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất năm 1995; Đến năm 2003, bố ông tiếp tục chia đất cho 4 anh em còn lại gồm: ông Lại Viết V1 là 202m², bà Lại Thị H2 là 202m², ông Lại Văn H3 là 202m² và ông Lại Xuân H 202m², ông V, bà H2, ông H3, ông Th đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008. Đất 5 anh em sử dụng ổn định từ năm 2008 đến nay chưa ai mua bán, chuyển nhượng gì, đất bố mẹ cho vẫn giữ nguyên. Khi bố ông chia đất cho các anh em, có ông và ông Th, bà H2. Bố ông đã đo đạc và chỉ mốc giới đất đã chia giữa các anh em. Sau khi được bố mẹ cho đất, do điều kiện ở xa nên ông đã cho nhà ông Th trồng cây, canh tác nhờ từ năm 2003. Khoảng năm 2008 thì ông Th làm 3 gian nhà cấp 4 trên phần đất của ông khoảng 30m². Ông ở xa nên có nhờ ông V trông giúp, khi ông Th đào móng nhà ông V có sang nói ông Th không được xây và báo chính quyền địa phương thì vợ ông

Th bảo ông V đi về đi nên ông V về và ông Th tiếp tục xây nhà. Ông Th xây xong nhà và ông đã nhiều lần nói chuyện hòa giải nhưng ông Th đều khẳng định ngôi nhà có diện tích 30m² đất trên là của ông Th không phải của ông. Quan điểm của ông là ông Th phải giải phóng mặt bằng trả lại hiện trạng đủ 202m² đất cho ông.

* Tại bản tự khai và toàn bộ quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bố mẹ chồng bà là cụ Lại Văn D, sinh năm 1920 (đã chết năm 2005) và cụ Nguyễn Thị C, sinh năm 1919 (đã chết năm 2002). Bố mẹ chồng bà sinh được 06 người con như ông H trình bày là đúng. Bố mẹ chồng bà được nhà nước cấp đất ở thôn V, xã Ngh, diện tích lúc đầu bao nhiêu bà không biết. Chỉ biết năm 1987, vợ chồng bà được bố mẹ cho 1 phần đất của ông bà được cấp. Phần đất vợ chồng bà được cho nằm ở phía Bắc của thửa đất. Phần đất này có vị trí như sau: phía Bắc giáp sông, phía Nam giáp đất còn lại của bố mẹ chồng, phía Tây giáp đất ông Khởi, phía Đông giáp đường trục xã. Khi bố mẹ chồng cho đất không phân chia ranh giới đất cụ thể. Anh em trong gia đình không có tranh chấp gì. Tại thời điểm chia đất trên phần đất nhà bà được chia không có công trình xây dựng gì. Đến năm 1990, vợ chồng bà làm nhà cấp 4, sau đó đến năm 1995 làm thêm nhà mái bằng trên phần đất đã được cho. Đến năm 1995, vợ chồng bà được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lại Văn Th với diện tích 360m². Bố chồng bà là ông Lại Văn D cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 diện tích cụ thể bao nhiêu bà không biết. Khi được bố mẹ cho đất vợ chồng bà đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay làm nhà cấp 4 và nhà mái bằng hiện nay vẫn còn. Việc bố chồng cho các anh em phần diện tích đất còn lại vào năm 2002 như thế nào bà không biết đến khi xảy ra tranh chấp bà mới biết. Năm 2008 vợ chồng bà có xây nhà cấp 4 khoảng gần 30m², khi xây anh em mới xảy ra tranh chấp cho rằng vợ chồng nhà bà xây nhà trên đất của anh em. Anh em có hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành. Lý do không hòa giải được vì nhà bà cho rằng bà xây nhà trên phần đất đã được bố mẹ cho không phải đất của anh em. Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì trong quá trình sử dụng đất, các công trình xây dựng đều nằm trên đất của vợ chồng bà. Bà khẳng định không có việc bà lấn sang phần đất của bố mẹ đã cho anh em nhưng vợ chồng bà lấn sang phần đất của sông về phía Đông và phía Bắc của thửa đất. Diện tích lấn chiếm cụ thể bao nhiêu bà không nắm được. Bà không nhận chuyển nhượng cũng như chuyển nhượng diện tích đất của ai. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Quyền sử dụng đất mà ông H được cấp GCNQSDĐ là di sản thừa kế của cụ D, cụ C. Việc cụ D phân định chia cho các con là chưa đủ căn cứ hợp pháp để cấp GCNQSDĐ cho các con. Mặt khác, khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cơ quan có thẩm quyền không xuống trực tiếp để xác định mốc giới của các hộ. Vì vậy, GCNQSDĐ cấp cho hộ ông H là chưa hợp pháp. Ngoài ra, chưa xác định được hộ ông H thiếu bao nhiêu diện tích cũng như phần diện tích hộ ông Th lấn ra sông An Lá cũng như nương trước nhà là bao nhiêu m². Vì vậy, chưa đủ căn cứ khẳng định

hộ ông Th, bà H lấn đất của hộ ông H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Viết V1, bà Lại Thị H2, ông Lại Văn H3 trong quá trình tố tụng trình bày: Bố mẹ ông bà là cụ Lại Văn D (chết năm 2005) và cụ Nguyễn Thị C (chết năm 2002). Bố mẹ ông bà sinh được 6 người con gồm ông Lại Viết V1, ông Lại Viết Muôn là liệt sỹ không có vợ con, bà Lại Thị H2, ông Lại Văn Th, ông Lại Xuân H và ông Lại Văn H3. Lúc sinh thời, bố mẹ ông bà có tạo dựng được 1140 m² đất (bao gồm 400m² đất ở, 180 đất ao và 560m² đất vườn) tại xóm 11, xã Ngh, huyện N, tỉnh Nam Định. Trước khi chết bố mẹ đã chia cho các anh chị em trong gia đình. Bà H2, ông H, ông V, ông H3 mỗi người được chia 202m², riêng ông Th được chia 360m². Phần đất ông Th được chia nằm ở phía Bắc của thửa đất. Phần đất này có vị trí như sau: phía Bắc giáp sông, phía Nam giáp đất ông H được chia, phía Tây giáp đất ông Vạn, phía Đông giáp đường trục xã. Khi phân chia ranh giới đất giữa các anh em không có tranh chấp gì. Tại thời điểm chia đất trên phần đất ông Th được chia không có công trình xây dựng gì. Sau khi được chia đất, bố mẹ các ông bà đã dựng 3 gian nhà cấp 4 trên đất của ông H3 hiện nay. Trong quá trình sử dụng đất, khi xây dựng nhà ông Th xây lấn sang phần đất của ông H 50cm phần móng nhà. Sau đó, một thời gian ông Th lại làm nhà lợp proximang lấn sang phần đất ông H được chia là 6m bề ngang. Hai bên đã tranh chấp và có gửi đơn ra UBND xã Ngh. Ông bà cho rằng đất bố mẹ đã cho diện tích của ai bao nhiêu thì người ấy sử dụng. Việc ông Th lấn sang đất của ông H là vi phạm pháp luật. Các ông, bà không có ý kiến gì đối với phần đất mình được chia.

* Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại UBND xã Ngh cho thấy: Căn cứ sổ địa chính, hồ sơ địa chính, đối với phần đất tại thửa số 2059 có tổng diện tích là 1170m² bao gồm 570m² đất ở và 600m² đất ao. Có nguồn gốc là của cụ Lại Văn D. Sau này cụ D đã cho các con đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên. Theo GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ thì bà H2, ông H, ông H3 mỗi người được chia 100m² đất ở và 102m² đất ao, ông V được chia là 100m² đất ở và 104m² đất ao. Ông Lại Văn Th được chia 360m². Đối với phần sông An Lá giáp thửa 2059 về phía Bắc theo tỷ lệ bản đồ địa chính năm 1993 và chỉnh lý năm 2003 cho thấy như sau: Từ điểm số 1 đến điểm số 2 có chiều rộng là 20m, từ điểm số 3 đến điểm số 5 có chiều rộng là 22m, từ điểm số 4 đến điểm số 5 có chiều rộng là 15m, và từ điểm số 6 đến điểm số 7 có chiều rộng là 15,7m (các điểm đánh dấu kèm theo trích lục bản đồ). Đối với đoạn nương giáp với phía Đông của thửa 2059 cho thấy: từ điểm số 1 đến điểm số 2 có chiều rộng là 4,5m, từ điểm số 3 đến điểm số 4 có chiều rộng là 8m, từ điểm số 5 đến điểm số 6 có chiều rộng là 8m (các điểm đánh dấu kèm theo trích lục bản đồ).

* Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định: Căn cứ Điều 158, 166, 174 Bộ luật dân sự; Điều 166, 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Xuân H về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”. Buộc ông Lại Văn Th, bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông H, bà Ng phần đất có diện tích là 135m² tại xóm 11, thôn V, xã Ngh, huyện N, tỉnh Nam Định. Phần đất này có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất ông Th, bà H dài 22,44m; phía Nam giáp phần đất còn lại dài 22,44m, phía Tây giáp đất mương dài 6m; phía Đông giáp đất ông Thủy dài 6m.*(Có sơ đồ kèm theo)*.

Buộc ông Lại Văn Th và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ di dời toàn bộ căn nhà cấp 4, cùng bể nước để trả lại phần diện tích đất cho ông H, bà Ng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và biện pháp đảm bảo thi hành án của các đương sự.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022 ông Lại Văn Th là bị đơn, bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm dân sự, chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Th, bà H, bác yêu cầu khởi kiện của ông Lại Xuân H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lại Xuân H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông H, ông V, bà H2, ông H3 vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của ông Th, bà H đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th, bà H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, xác định yêu cầu khởi kiện của ông Lại Xuân H về yêu cầu đòi quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp tại thửa đất số 2059 và 2059⁻¹, tại xóm 11, thôn V, xã Ngh, huyện N là có căn cứ chấp nhận, cần buộc vợ chồng ông Lại Văn Th và bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đã lấn chiếm là 135m². Ông Th và bà H phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm để trả lại diện tích đất trên cho ông H. Kháng cáo của ông Th, bà H không có căn cứ chấp nhận. Án phí phúc thẩm đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đinh Thị Ng vắng mặt tại phiên toà nhưng đã uỷ quyền cho ông Lại Xuân H, ông Lại Văn Th vắng mặt tại phiên toà nhưng đã uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị H nên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Lại Văn Th, bà Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Lại Xuân H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất giữa thửa đất của vợ chồng ông H, bà Ng và thửa đất của vợ chồng ông Th, bà H, yêu cầu vợ chồng ông Th phải giải phóng mặt bằng trả lại hiện trạng đủ 135m² đất. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với hộ liền kề. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất là chưa chính xác, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần phải xác định lại cho đúng.

[4] Xét kháng cáo của ông Lại Văn Th, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm dân sự, chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Th, bà H, bác yêu cầu khởi kiện của ông Lại Xuân H thấy rằng: Theo bản đồ địa chính năm 1986 thì phần đất đang tranh chấp nằm tại thửa 1910, tờ bản đồ số 4 UBND xã Ngh có tổng diện tích là 1140m² bao gồm 400m² đất ở nông thôn, 180m² đất vườn và 560m² đất hai lúa. Theo bản đồ chính năm 1993 thì phần đất đang tranh chấp nằm tại thửa 2059, tờ bản đồ số 4 UBND xã Ngh có tổng diện tích là 1170m² bao gồm 570m² đất ở nông thôn, 600m² đất ao trong đó của cụ D là 810m² và ông Th là 360m².

[5] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp nằm tại xóm 11, thôn V, xã Ngh, huyện N, tỉnh Nam Định: Trước đây, thửa đất 2059, tờ bản đồ số 4 là đất của cụ Lại Văn D và cụ Nguyễn Thị C. Theo các đương sự thống nhất trình bày thì vào năm 1995, cụ D và cụ C đã cho ông Th 360m² nằm tại vị trí phía Bắc của thửa đất. Đối với phần diện tích đất còn lại là 810m², theo GCNQSDĐ đã được UBND huyện N cấp theo Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 04-12-2007 thì bà H2, ông H, ông H3 mỗi người được chia 100m² đất ở và 102m² đất ao, ông V được chia là 100m² đất ở và 104m² đất ao. Vị trí theo GCNQSDĐ thì hộ ông H, bà Ng nằm tại thửa 2059⁻¹, hộ ông H3 nằm tại thửa 2059⁻², hộ bà H2 nằm tại thửa 2059⁻³ và hộ ông V nằm tại thửa 2059⁻⁴. Như vậy, theo sổ thửa được ghi trong GCNQSDĐ thì hộ ông H, bà Ng nằm sát với phần đất mà ông Th được chia. Việc cấp GCNQSDĐ được cấp từ 2007, sau khi được cấp các con cụ D có người xây dựng nhà. Kể từ khi cấp GCNQSDĐ cho đến nay, không ai có ý kiến gì. Trong quá trình sử dụng đất, ông Th đã xây dựng căn nhà mái bằng, 01 bếp cùng công trình phụ về phía Bắc thửa đất.

Vào năm 2008 ông bà xây dựng thêm một căn nhà lợp proximang có diện tích khoảng 30m² cách nhà mái bằng về phía Nam của thửa đất. Đối với phần đất ông H được chia do ở xa nên ông H đã để ông Th canh tác trên phần đất đó.

[6] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22-4-2022 cho thấy: Phần đất hiện nay hộ ông Th, bà H đang sử dụng có tổng diện tích là 657m² so với GCNQSDĐ thì thừa 297m² chưa bao gồm đất đang tranh chấp 135m². Phần đất này có vị trí như sau: phía Bắc giáp sông An Lá, phía Nam giáp phần đất tranh chấp với ông H, phía Đông giáp nương, phía Tây giáp đất ông Khởi. Phần đất của ông H, ông H3, ông V, bà H2 hiện đang sử dụng có tổng diện tích là 701m² so với GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ thì thiếu 109m². Phần đất này có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất ông Th, phía Nam giáp đường xóm, phía Đông giáp nương, phía Tây giáp đất ông Khởi. Phần đất đang có tranh chấp có tổng diện tích 146m² có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất ông Th, phía Nam giáp phần đất còn lại của các hộ, phía Đông giáp nương và phía Tây giáp đất ông Khởi. Phần sông An Lá nằm giáp thửa 2059 hiện còn lại có tổng diện tích là 222m² so với diện tích theo bản đồ là thiếu 278m². Tuy nhiên, căn cứ theo biên bản xác định mốc giới lập ngày 20-02-2012 thì cạnh chiều rộng của mỗi thửa đất là 22,44m. Do đó, diện tích của các hộ bà H2, ông V, ông H3, ông H chỉ còn là 668m² so với GCNQSDĐ đã cấp thiếu 142m² và phần đất có tranh chấp giảm còn 135m² và diện tích nhà ông Th giảm còn 637m² so với GCNQSDĐ đã cấp thừa 257m². Đoạn nương tại vị trí nhà ông Th theo bản đồ địa chính có chiều rộng là 4,5m nhưng khi xem xét thẩm định đã xác định lấy ranh giới nương là 6m. Như vậy, đoạn nhà ông Th khi đo phải cộng thêm diện tích là 20m². Như vậy tổng diện tích ông Th sử dụng theo chiều rộng 22,44m là 627m² + 20m² = 647m².

[7] Về yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử thấy trên cơ sở các tài liệu địa chính mà Tòa án đã thu thập được như GCNQSDĐ của UBND huyện N đã cấp cho các hộ, bản đồ địa chính qua các thời kỳ, Biên bản xác định mốc giới ngày 20-02-2012 có xác nhận của UBND xã Ngh và thực trạng các hộ đang sử dụng cho thấy: Phần diện tích hộ ông Th hiện đang sử dụng là 647m² trừ đi phần diện tích được cấp theo GCNQSDĐ là 360m² trừ đi phần diện tích sông An Lá tại khu vực giáp thửa 2059 là 278m² (637m²-360m²-278m² thiếu 1m²). Như vậy là thiếu 1m². Như vậy, nếu cộng thêm phần đất đang tranh chấp là 135 m² thì phần đất của nhà ông Th sau khi trừ đi phần lấn sông An Lá và nương trước nhà còn thừa 134m². Trong khi các hộ ông H, ông H3, ông V, bà H2 thiếu so với GCNQSDĐ là 810m²- 668m² = 142m². Như vậy, việc ông H đòi phần đất mà hộ ông Th, bà H2 trong quá trình sử dụng đã lấn chiếm là có cơ sở và được chấp nhận. Tuy nhiên, phần diện tích đất trên hiện trạng chỉ còn 135m² nên chỉ có thể buộc hộ ông Th, bà H trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 135m². Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ.

[8] Đối với tài sản trên đất lấn chiếm: Trong quá trình sử dụng ông Th, bà H đã xây dựng 01 căn nhà cấp 4 và 01 bể nước trên phần đất đang có tranh chấp không được sự đồng ý của ông H. Ngoài ra, ông Th, bà H không tôn tạo gì đối với phần đất

đã lấn chiếm. Việc xây dựng các công trình trên đất này là trái với quy định tại Điều 174 Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần buộc ông Th, bà H tháo dỡ toàn bộ căn nhà cấp 4 và 01 bể nước để trả lại đất cho ông H, bà Ng.

[9] Đối với phần đất ông Lại Văn Th, bà Nguyễn Thị H đã lấn chiếm ra sông An Lã, UBND xã Ngh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[10] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự được pháp luật bảo vệ không bị xâm hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th, bà H cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Th, bà H không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên ông Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do hiện nay ông Th là người cao tuổi nên miễn án phí cho ông Th.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Lại Văn Th, bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên ông Th, bà H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nhưng hiện nay ông Th, bà H là người cao tuổi, đã có ý kiến xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Th, bà H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[13] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 158; Điều 166; Điều 174; Điều 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lại Văn Th, bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người phải thi hành án dân sự bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu HS, VP.

Lại Văn Tùng

